

**THỐNG KÊ DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ KỲ THI ĐGNL NGOẠI NGỮ CHUẨN ĐẦU RA CHO
SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG ĐỢT THI NGÀY 25/5/2025
(tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Thái, tiếng Việt)**

ID	Họ và tên	Mã số sinh viên	ng năm sinh (dd/	Nơi sinh (thành phố)	Lớp	Cấp độ tiếng dự thi	Tình trạng nộp lệ phí
1	Nguyễn Thu Thảo	412162161120	05/10/1998	Hội An	16CNATMCLC	Tiếng Trung bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
2	Trần Thị Thuỷ	411170615	19/03/1999	Thừa Thiên Huế	17CNA11	Tiếng Trung bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
3	Ngô Thị Quý Linh	417200086	28/09/2002	Tỉnh Quảng Nam	20CNJ01	Tiếng Nhật bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
4	Nguyễn Thị Cẩm Vân	417200152	22/10/2002	Bắc Trà My, Quảng Nam	20CNJ03	Tiếng Nhật bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
5	Phạm Thị Như Luận	417200088	17/6/2002	Quảng Nam	20CNJ03	Tiếng Nhật bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
6	Ngô Thị Liên Phương	417190058	30/04/2001	Quảng Nam	19CNJ02	Tiếng Nhật bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
7	Nguyễn Thị Lộc	417200087	01/07/2002	Nghệ An	20CNJ03	Tiếng Nhật bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
8	ĐOÀN THỊ CẨM NHUNG	411220570	27/02/1989	Quảng Bình	22BHTC01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
9	Võ Ngọc Thùy Vân	413180076	22/02/2000	Kon Tum	19CNP01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
10	Siu Sâm Mi	411210515	22/06/2003	Gia Lai	21CNA10	Tiếng Thái bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
11	Mai Thanh Tuệ	411170729	30/06/1999	Đà Nẵng	17CNA08	Tiếng Nhật bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
12	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	417200094	27/09/2002	Huế	21CNJ01	Tiếng Nhật bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
13	Trần Ái Xuân	412200306	09/02/2002	Quảng Nam	20CNATMCLC02	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
14	Trần Thị Kim Anh	411180083	09/01/2000	Nghệ An	18CNA04	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
15	LÊ THỊ TÌNH	411220577	15/02/1994	Quảng Nam	22BHTC01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
16	Lê Thị Tiến	417200131	09/03/2002	Quảng Nam	20CNJ02	Tiếng Nhật bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
17	Nguyễn Lê Phương Vy	413210081	03/06/2003	Đà Nẵng	21CNPDL01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
18	Trần Thị Hồng Hạnh	417200035	18/02/2002	Hà Tĩnh	20CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
19	ĐẶNG THỊ QUỲNH NHƯ	417200047	10/01/2002	Đà Nẵng	20CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
20	NGUYỄN KHÁNH HIỀN	417200036	26/10/2002	Nghệ An	20CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
21	NGUYỄN HỮU THII	411220575	09/09/1993	Thừa Thiên Huế	22BHTC01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP

22	Châu Trần Gia Trang	414210077	12/11/2003	TP Đà Nẵng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
23	Đặng Ngọc Quyên	417210132	02/01/2002	Quảng Ngãi	21CNH02	Tiếng Hàn bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
24	VÕ THỊ HỢP	417190083	4/4/2001	Quảng Bình	19CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
25	Nguyễn Mạnh Khang	417180091	04/02/2000	Đà Nẵng	18CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
26	Nguyễn Phương Mai	411220562	13/11/1999	Đà Nẵng	22BHTC01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
27	Nguyễn Thị Dung	411220551	06/02/1983	Nghệ An	22BHTC01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
28	HÀ THỊ YẾN	411220585	17/5/1990	Quảng bình	22BHTC01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
29	Trương Thảo Nguyên	411220568	26/05/1995	Quảng Nam	22BHTC01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
30	Nguyễn Thị Hoài Trâm	413210074	01/03/2003	Quảng Nam	21CNPDL01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
31	Nguyễn Thị Thanh Trúc	413200080	28/05/2002	Đà Nẵng	20CNP01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
32	Thái Thanh Hương	411220557	17/08/1997	Đà Nẵng	22BHTC01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
33	Nguyễn Thị Bửu Ngọc	411220566	08/10/1982	Quảng Nam	22BHTC01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
34	Võ Thị Phương Thảo	417190100	19/07/2001	Quảng Trị	19CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
35	Trần Thị Phương Trang	411220579	08/05/1999	Huế	22BHTC01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
36	Nguyễn Thị Yến	411220586	19/02/1991	Quảng Nam	22BHTC01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
37	Trần Bình Yên	415220220	24/05/1980		22BHTCTQ01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
38	Bùi Sỹ Tùng	415220217	05/07/1987	Thanh Hoá	22BHTCTQ01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
39	Võ Thị Ánh Tuyết	411171300	26/07/1986	Đà Nẵng	17BHTC04	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
40	Phạm Khánh Linh	417200041	05/11/2002	Đà Nẵng	20CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
41	Nguyễn Thị Hồng Anh	417190077	30/04/2001	Quảng Trị	19CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
42	Mai Tấn An Giang	411220553	07/07/1996	Đà Nẵng	22BHTC01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
43	Đặng Thị Loan Anh	411200727	12/06/2002	Đà Nẵng	21CNA10	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
44	Phan Thị Kim Ánh	419200030	27/07/2002	Quảng Nam	20SPP01	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
45	Dương Thị Mỹ Yến	414210088	10/01/2003	Quảng Nam	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
46	Đoàn Thị Vy	417200291	21/01/2002	Quảng Nam	20CNH02	Tiếng Hàn bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
47	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	411220559	10/08/1995	Quảng Bình	22BHTC01	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
48	Trần Ngọc Linh	411210558	31/10/2003	Thành phố Đà Nẵng	20CNATT01	Tiếng Trung bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
49	Đoàn Thị Khánh Ly	417200042	06/05/2002	Quảng Bình	20CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
50	Trần Thị Việt Nhi	413200050	03/05/2002	Quảng Nam	20CNPTTSK01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
51	Hồ Thị Kiều Giang	415200081	16/06/2002	Quảng Nam	20CNT01	Tiếng Trung bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
52	Nguyễn Đặng Thu Giang	411210169	16/06/2003	Quảng Ngãi	21CNA02	Tiếng Pháp bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP

53	Vũ Thị Minh Thu	411210322	21/03/2003	Gia Lai	21CNA05	Tiếng Hàn bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
54	Hoàng Thị Tuyết Trinh	411210327	16/03/2003	Quảng Nam	21CNA05	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
55	H Dim Byă	411210333	25/06/2003	Đắk Lắk	21CNA06	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
56	Nguyễn Thị Huyền Trang	411210368	20/05/2003	Nghệ An	21CNA06	Tiếng Nhật bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
57	Nguyễn Khải Hưng	411210509	17/04/2003	Kon Tum	21CNA10	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
58	Phan Thanh Hằng	411210622	03/07/2003	Đông Hà	21CNACLC02	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
59	TRƯƠNG THỊ NHƯ QUỲNH	411210637	27/06/2003	Gia Lai	21CNACLC02	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
60	Nguyễn Thái Khiêm	411210685	09/03/2003	Thành phố Quy Nhơn, Tỉn	21CNACLC04	Tiếng Nhật bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
61	Nguyễn Trung Hưng	412210240	27/12/2003	Quảng Ngãi	21CNATMCLC02	Tiếng Trung bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
62	Đậu Hà Ngân	411210563	03/10/2003	Nghệ An	21CNATT01	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
63	Tô Thuyết Trình	411210581	29/01/2003	Tỉnh Phú Yên	21CNATT01	Tiếng Pháp bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
64	Nguyễn Thị Thùy Linh	416210047	06/03/2003	Hà Tĩnh	21CNDPH02	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
65	Nguyễn Thị Yến Nhi	416210075	26/08/2003	Đà Nẵng	21CNDPHCLC01	Tiếng Nhật bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
66	Nguyễn Thị Kiều Oanh	417210099	04/08/2003	Hà Tĩnh	21CNH01	Tiếng Hàn bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
67	Lê Thị Hà	417210081	22/02/2003	Nghệ An	21CNH01	Tiếng Hàn bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
68	Phạm Thị Nhân	417210096	07/03/2003	Thanh Hoá	21CNH01	Tiếng Hàn bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
69	Nguyễn Thị Ngọc Lê	417210122	12/12/2003	Quảng Trị	21CNH02	Tiếng Hàn bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
70	Hoàng Thị Quỳnh Trang	417210145	24/06/2003	Nghệ An	21CNH02	Tiếng Hàn bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
71	Trương Vi Tuyết	417200286	28/03/2002	Quảng Nam	21CNH02	Tiếng Hàn bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
72	Trần Phương Lam	417210016	09/10/2003	Bình Định	21CNJ01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
73	TRẦN THỊ THUỶ HÀ	417210010	15/01/2003	Bình Phước	21CNJ01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
74	BÙI THỊ BẢO TRẦN	417200133	09/04/2002	Phú Yên	21CNJ02	Tiếng Nhật bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
75	Nguyễn Thị Đông Anh	417210039	01/01/2003	Quảng Nam	21CNJ02	Tiếng Nhật bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
76	Đỗ Thị Khánh Vũ	417200154	07/07/2002	Quảng Nam	21CNJ02	Tiếng Nhật bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
77	Hồ Thị Khánh Huyền	417210050	20/07/2003	Tỉnh Quảng Bình	21CNJ02	Tiếng Nhật bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
78	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	417210045	11/11/2003	Quảng Nam	21CNJ02	Tiếng Nhật bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
79	Nguyễn Lê Hương Giang	417210047	17/10/2003	Quảng Ngãi	21CNJ02	Tiếng Nhật bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
80	Huỳnh Kim Thuyền	417200051	14/09/2002	Quảng Nam	21CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
81	Trần Hương Nhi	417210204	19/04/2003	Quảng Trị	21CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
82	ĐẶNG THỊ BẢO CHÂU	417210188	11/11/2003	Quảng Ngãi	21CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
83	Phạm Nguyễn Huyền Thục	417210209	13/03/2003	Quảng Nam	21CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP

84	Bùi Thị Ngọc Yến	417210216	13/10/2003	Gia Lai	21CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
85	NGUYỄN LÊ KIỀU ANH	417210187	27/10/2003	Đà Nẵng	21CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
86	Phan Thị Thu Hậu	417210192	24/03/2003	Quảng Nam	21CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
87	Lê Thị Hồng Quyên	417210207	02/01/2003	Quảng Nam	21CNJCLC01	Tiếng Nhật Bậc 5 (C1)	ĐÃ NỘP
88	Huỳnh Thị Kim Oanh	414210022	19/10/2003	Đắk Lắk	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
89	Đinh Mỹ Hạnh	414210007	13/07/2003	ĐÀ NẴNG	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
90	Ngô Ngọc Anh Thư	414210032	04/09/2003	Đà Nẵng	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
91	Đặng Tiến Đạt	414210004	11/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
92	Bùi Thị Bích Phương	414210024	14/01/2003	Kon Tum	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
93	Nguyễn Trần Thuận An	414210001	08/10/2003	Quảng Nam	21Cnn01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
94	Trần Thị Thu Hiền	414210008	30/07/2003	Quảng Nam	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
95	Trương Nguyễn Phương Anh	414210002	11/02/2003	Đà Nẵng	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
96	Lại Thị Mai Linh	414210010	28/09/2003	Quảng Nam	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
97	Nguyễn Thị Ái Vân	414210042	18/11/2003	Quảng Trị	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
98	Đoàn Đỗ Tố Uyên	414210040	21/12/2003	Tam Kỳ	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
99	Trần Thị Thanh Nhân	414210015	29/09/2003	Đà Nẵng	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
100	Hồ Thị Nhân	414210063	18/10/2003	Quảng Nam	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
101	Trần Thị Thu Nguyên	414210061	25/11/2001	Quảng Nam	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
102	Trần Phước Việt	414210084	08/08/2003	Đà Nẵng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
103	TRẦN MAI KHÁNH HUYỀN	414210052	06/12/2003	Đà Nẵng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
104	NGUYỄN THỊ THANH NHUNG	414210065	25/11/2003	Quảng Nam	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
105	Sử Triều Bảo Hân	414210048	26/11/2003	Đà Nẵng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
106	Đặng Ngọc Thùy Quyên	414210069	20/07/2003	Đà Nẵng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
107	Phùng Thị Yên Thanh	414210071	22/07/2003	Đà Nẵng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
108	Nguyễn Thị Hoài Tiên	414210075	04/10/2003	Thành phố Đà Nẵng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
109	LÊ THUÝ VI	414210083	14/10/2003	Đà nẵng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
110	Trần Huỳnh Anh Tuấn	414210081	28/06/2003	đà nẵng	21cnndl01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
111	Đinh Quý Mai	414210056	14/05/2003	Nghệ An	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
112	Phan đồ quân	414210068	14/04/2003	Đà nẵng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
113	Võ Thị Thu Hằng	414210049	17/01/2003	Quảng Nam	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
114	Dương Thị Ngân	414210058	19/01/2003	Đà Nẵng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP

115	Hoàng Thị Mỹ Ngọc	414210060	12/11/2003	Thừa Thiên Huế	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
116	Lưu Thảo Nguyên	414210062	28/09/2003	Thành phố Hội An	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
117	Ngô Thị Ngọc Trinh	414210080	09/10/2003	Quảng Nam	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
118	Văn Thảo Vy	414210087	19/01/2003	Quảng Nam	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
119	Đỗ Thị Mừng	414210057	24/10/2003	Quảng Nam	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
120	ĐÀO THỊ THU TRANG	414210076	04/10/2003	HÀ TĨNH	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
121	LÊ THỊ YẾN NHI	414210064	06/06/2003	ĐÀ NẴNG	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
122	Võ Anh Thư	414210073	24/03/2003	Đà Nẵng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
123	Bùi Nguyễn Thuỳ Dương	414210047	19/03/2003	Quảng Ngãi	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
124	TRẦN THANH PHƯƠNG	414210067	10/04/2002	Thành phố Huế	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
125	Trần Khánh Dung	414210046	23/08/2003	Hội An	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
126	Phan Thị Kim Oanh	414210066	23/08/2003	Đà Nẵng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
127	Phan Thị Cẩm Trinh	414210079	08/07/2003	Đà Nẵng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
128	Nguyễn Kiều Trang	413210040	24/08/2003	Hà Nội	21CNP01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
129	Đỗ Trịnh Xuân Thanh	413210032	18/04/2003	Quảng Nam	21CNP01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
130	Trịnh Thị Kiều Trinh	413210076	30/01/2003	Đà Nẵng	21CNPDL01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
131	Hồ Thanh Trúc	413210077	03/02/2003	Đà Nẵng	21CNPDL01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
132	Lê Thảo My	413210096	19/04/2003	Quảng Nam	21CNPSKT01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
133	Bùi Nguyễn Bảo Ly	413210095	13/06/2003	Đà Nẵng	21CNPTTSK01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
134	Trần Thị Hồng Linh	413210092	23/11/2002	Đà Nẵng	21CNPTTSK01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
135	Nguyễn Ngọc Ánh	415210128	28/10/2003	Thạch Hóa	21CNT01	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
136	Thái Thị Ngọc Ánh	415210163	02/05/2003	Nghệ An	21CNTCLC01	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
137	Mai Thị Thêu	415210040	26/04/2003	Nam Định	21CNTDL01	Tiếng Trung bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
138	Nguyễn Thị Như Thảo	419210058	15/05/2003	Đắk Lắk	21SPA02	Tiếng Nhật bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
139	Huỳnh Vũ Khánh Tiên	419210085	22/09/2003	Đà Nẵng	21SPP01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
140	Bùi Thị Kim Oanh	419210075	07.06.2003	TP. Đà Nẵng	21SPP01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
141	NGUYỄN THU HIỀN	416220038	02/02/2004	Quảng Ngãi	22CNĐPH01	Tiếng Thái bậc 2 (A2)	ĐÃ NỘP
142	Nguyễn Thị Thanh Thảo	419220040	18/10/2004	Tam Kỳ, Quảng Nam	22SPA02	Tiếng Hàn bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
143	Bùi Thị Hiền Lương	419220032	02/06/2004	Hà Tĩnh	22SPA02	Tiếng Trung bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
144	Lê Huy Hoàn Phúc	411240062	21/05/2006	Quảng Ngãi	24CNA02	Tiếng Trung bậc 3 (B1)	ĐÃ NỘP
145	Phạm Thị Thảo Linh	414210054	28/07/2003	Lâm Đồng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP

146	TRẦN THỊ THU NGUYỆT	413210026	10/01/2003	Quảng Nam	21CNP01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
147	Đoàn Ngọc Thảo Uyên	414210039	24/06/2002		21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
148	Bùi Trương Thanh Thảo	415200181	10/02/2002	Gia Lai	20CNTDL01	Tiếng Trung bậc 4 (B2)	ĐÃ NỘP
149	Lưu Thị Thiên Lý	416401161123	16/04/1998	Quảng Bình	16CNDPH01	Tiếng Trung bậc 2 (A2)	CHƯA NỘP
150	Nguyễn Thị Trà Giang	411180697	02/10/2000	Đà Nẵng	18CNACLC02	Tiếng Nhật bậc 2 (A2)	CHƯA NỘP
151	Hồ Lý Thảo Duyên	411190514	20/11/2001	Quảng Nam	19CNACLC04	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	CHƯA NỘP
152	Võ Thị Thu Thảo	417200264	12/10/2002	Quảng Nam	20CNA02	Tiếng Hàn bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
153	Nguyễn Thị Thanh Thảo	411210194	10/12/2003	Quảng Bình	21CNA02	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	CHƯA NỘP
154	Huỳnh Thị Hương Quỳnh	411210317	20/05/2003	Quảng Ngãi	21CNA05	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	CHƯA NỘP
155	Trần Thị Ngọc Thắm	411210486	30/11/2003	Bình Định	21CNA09	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	CHƯA NỘP
156	Ngô Đặng Kiều Hoa	411210593	24/07/2003	Kon Tum	21CNACLC01	Tiếng Nhật bậc 2 (A2)	CHƯA NỘP
157	Võ Mai Anh	411210617	07/11/2003	Đà Nẵng	21CNACLC02	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	CHƯA NỘP
158	Hồ Thị Mai Duyên	411210620	09/08/2003	Đà Nẵng	21CNACLC02	Tiếng Trung bậc 2 (A2)	CHƯA NỘP
159	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	411210682	09/08/2003	Quảng Nam	21CNACLC04	Tiếng Trung bậc 2 (A2)	CHƯA NỘP
160	Lương Đỗ Khánh Linh	417210089	28/05/2003	Quảng Nam	21CNH01	Tiếng Hàn bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
161	Lê Thị Kiều Oanh	414210021	20/05/2003	Đà Nẵng	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
162	Nguyễn Thị Phương Đan	414210003	01/06/2003	Nghệ An	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
163	Huỳnh Ngọc Hải Nhi	414210019	17/11/2003	Đà Nẵng	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
164	Nguyễn Thanh Thảo Nguyên	414210014	13/11/2003	Kon Tum	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
165	Lê Thị Ngọc Mai	414210012	02/02/2003	Thôn Mỹ Phước, xã Duy P	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
166	Nguyễn Kiều Trinh	414210038	15/01/2003	Phú Yên	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
167	Trần Ngọc Như Quỳnh	414210027	27/08/2003	Đà Nẵng	21CNN01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
168	Võ Thị Kim Thủy	414210035	16/08/2003	Quảng Ngãi	21CNN1	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
169	Nguyễn Thị Tuyết Ly	414210055	23/01/2003	Đà Nẵng	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
170	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	414210059	16/02/2003	Quảng Nam	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
171	Trần Thị Vương	414210086	06/11/2003	Quảng Nam	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
172	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	414210053	04/11/2003	Quảng Nam	21CNNDL01	Tiếng Nga bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
173	NGUYỄN HƯNG	413210050	03/02/2003	Đà Nẵng	21CNPDL01	Tiếng Pháp bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
174	Trần Quỳnh Anh	417210217	06/05/2003	Đà Nẵng	21CNTL	Tiếng Thái Bậc 4 (B2)	CHƯA NỘP
175	Nguyễn Thị Thu Hà	415210092	18/04/2003	Quảng Trị	21CNTTM01	Tiếng Hàn bậc 2 (A2)	CHƯA NỘP